

Số: 86 /2025/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 527/TTr-SoNNMT ngày 02 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2025

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



4. Các quy định đối với bao bì, thùng, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại Điều 6 Quy định này được thực hiện sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; các quy định đối với phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại Điều 8 Quy định thực hiện chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị, tổ chức tham gia dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Báo và Đài Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, KTNS, KTN, (Thu 135b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng





QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

2. Các nội dung quản lý chất thải rắn sinh hoạt chưa được quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân (bao gồm cả người nước ngoài) có hoạt động liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân* là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

2. *Khu vực công cộng* là nơi phục vụ chung cho nhu cầu của nhiều người, như: công viên, đường phố, quảng trường; khu văn hoá, thể thao, vui chơi, giải trí, du lịch; khu kinh doanh dịch vụ, chợ, trung tâm thương mại; công trình tôn giáo, tín ngưỡng; nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, phương tiện vận tải hành khách công cộng; cơ sở lưu trú, nhà khách, nhà nghỉ, chung cư; trụ sở cơ quan, trụ sở làm việc và các khu vực công cộng khác.

3. *Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt* là nơi chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt từ các loại phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thải, khu vực công cộng, quét dọn vệ sinh đường phố để chuyển chất thải rắn sinh hoạt sang phương tiện cơ giới có tải trọng lớn.

4. *Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt* là nơi tập kết, phân loại và lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, nước rỉ rác trước khi chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có chức năng vận chuyển đến nơi xử lý.

Điều 4. Yêu cầu chung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo hướng giảm thiểu phát sinh, tăng cường tái sử dụng, tái chế để khai thác tối đa giá trị tài nguyên của chất thải rắn sinh hoạt.

2. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm và nghĩa vụ phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, công nghệ xử lý và chi trả giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 5. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, tổ chức, cá nhân được phân loại thành 03 nhóm như sau:

1. Nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế:

a) Giấy thải: Hộp, túi, lọ, ly, cốc bằng giấy; sách, truyện, vở, báo cũ, giấy viết, thùng, bìa carton, lõi giấy vệ sinh, giấy bọc gói, bì thư, biên lai, khay đựng trứng bằng giấy; các loại bao bì giấy khác không chứa chất độc hại.

b) Nhựa thải: Các loại ghế nhựa, thau, chậu nhựa; ly, cốc nhựa; giày, dép, vali, rèm cửa bằng nhựa và các loại vật dụng bằng nhựa thải khác.

c) Kim loại thải: Hàng tiêu dùng, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế bằng kim loại (trừ kim tiêm, kim thử máu đã sử dụng); đồ dùng nhà bếp bằng kim loại như: xoong, nồi, niêu, ấm nước, bếp gas, vật dụng nhỏ như bát, đĩa, thìa, dĩa và các loại vật dụng kim loại thải khác.

2. Nhóm chất thải thực phẩm: Thức ăn thừa, hư; thực phẩm hết hạn sử dụng, vỏ trái cây, rau củ, bã trà, giấy ăn, hoa lá, xác động vật và các loại khác có tính chất, thành phần tương tự.

3. Nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác:

a) Chất thải công kênh: Là vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như tủ, giường, nệm, bàn, ghế, thiết bị vệ sinh, gốc cây, thân cây và các loại khác có tính chất tương tự.

b) Chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân: Pin, ắc quy, bình đựng hóa chất tẩy rửa, dầu nhớt thải, bình xịt côn trùng thải, bóng đèn huỳnh quang, bóng đèn điện tử, thiết bị điện tử, dược phẩm hết hạn và các loại thiết bị điện tử gia dụng không còn giá trị sử dụng.

c) Chất thải rắn sinh hoạt còn lại: Là các loại chất thải phát sinh trong hoạt động sinh hoạt mà hộ gia đình, cá nhân, tổ chức không xác định được là thuộc các nhóm quy định tại khoản 1, 2, và điểm a, b Khoản 3 Điều này.

Điều 6. Bao bì, thùng, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt

1. Bao bì, thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

a) Bao bì chứa nhóm chất thải thực phẩm có màu xanh lá cây đảm bảo tránh rò rỉ nước và phát tán mùi; khuyến khích loại bao bì được sản xuất từ vật liệu dễ phân hủy và dễ nhận diện được loại chất thải chứa bên trong.

b) Bao bì chứa nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác có màu xám, khuyến khích loại bao bì được sản xuất từ vật liệu dễ phân hủy và dễ nhận diện được loại chất thải chứa bên trong.

c) Chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được lưu chứa trong bao bì có khả năng chống ăn mòn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ ra ngoài môi trường (trừ bao bì có màu xanh lá cây và màu xám).

d) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự quyết định việc sử dụng các loại bao bì, thiết bị lưu giữ, chứa nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế, chất thải công kênh (trừ bao bì có màu xanh lá cây và màu xám).

đ) Việc sử dụng thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt do các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự quyết định.

2. Thùng, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực công cộng

Các tổ chức, cá nhân quản lý khu vực công cộng phải bố trí các thùng, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, có dán nhãn nhận biết và thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt, cụ thể:

a) Thùng, thiết bị lưu chứa nhóm chất thải thực phẩm có màu xanh lá cây và có dòng chữ “CHẤT THẢI THỰC PHẨM”.

b) Thùng, thiết bị lưu chứa nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế có màu khác với màu xanh lá cây nhưng phải có dòng chữ “CHẤT THẢI RẮN TÁI CHẾ”.

c) Thùng, thiết bị lưu chứa nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác có màu xám và có dòng chữ “CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT KHÁC”.

d) Kích thước thùng, thiết bị lưu chứa do tổ chức, cá nhân quản lý khu vực công cộng tự lựa chọn theo hiện trạng thực tế, đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan xung quanh.

đ) Khuyến khích có dòng chữ tuyên truyền “HÃY PHÂN LOẠI CHẤT THẢI” trên các thùng, thiết bị lưu chứa chất thải.

Điều 7. Phương án tập kết, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt

1. Thời gian tập kết chất thải rắn sinh hoạt

a) Tại các khu vực đô thị: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ được đặt, để bao bì có chứa chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác tại vị trí phù hợp cho việc thu gom của tổ chức, cá nhân thu gom chất thải rắn sinh hoạt trong khoảng thời gian từ 18 giờ 00 đến 24 giờ 00 vào các ngày theo hướng dẫn hoặc theo phương án thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Ủy ban nhân dân phường (tránh thời điểm mật độ người và phương tiện tham gia giao thông lớn, không tập kết vào thời điểm trời mưa, gần các hố ga thoát nước).

b) Tại các khu vực nông thôn: Thời gian, vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo kế hoạch, phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Ủy ban nhân dân xã.

c) Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh thì việc tập kết chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phương án chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt

a) Nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Các hộ gia đình, cá nhân phát sinh chất thải này có thể bán cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu hoặc các tổ chức, cá nhân thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Trường hợp

không bán hoặc cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu thì các hộ gia đình phân loại vào túi riêng và thu gom chung với chất thải rắn sinh hoạt khác.

b) Nhóm chất thải thực phẩm: Các hộ gia đình, cá nhân phát sinh chất thải này có thể tự xử lý làm mùn, phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi hoặc chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

c) Nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác:

- Chất thải công kênh khi phát sinh phải liên hệ với tổ chức, cá nhân có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn để thỏa thuận chuyển giao, xử lý theo quy định hoặc đưa về các vị trí do Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí lưu giữ.

- Chất thải nguy hại trong sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân được thu gom riêng và đem đến các điểm thu hồi chất thải nguy hại tại địa phương hoặc chuyển giao cơ sở có chức năng xử lý.

- Chất thải rắn sinh hoạt còn lại phải được chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt phải bố trí vị trí phù hợp để thuận tiện cho việc chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại cho tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển đến điểm tập kết, trạm trung chuyển hoặc đến khu xử lý theo quy định của địa phương; điểm tập kết phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến giao thông, cảnh quan khu vực.

4. Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị, chung cư, toà nhà văn phòng phải thiết lập các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại; khu vực tập kết phải có mái che tránh mưa chảy tràn, có nhân viên thường xuyên dọn vệ sinh đảm bảo chất thải rắn sinh hoạt không vung vãi sau khi chuyển giao và không phát tán mùi hôi gây mất mỹ quan đô thị; điểm tập kết phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến giao thông, cảnh quan khu vực; chủ động liên hệ, chuyển giao cho tổ chức, cá nhân chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

Điều 8. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Các phương tiện chuyên dụng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải.

b) Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt được lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển và phải đáp ứng các yêu cầu quy định như không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ, không được ngấm, rò rỉ nước rác, phát tán chất thải rắn sinh hoạt do gió.

c) Phương tiện thu gom, vận chuyển phải có dòng chữ “THU GOM CHẤT THẢI THỰC PHẨM” khi thu gom, vận chuyển đối với nhóm chất thải thực phẩm; “THU GOM CHẤT THẢI RẮN TÁI CHẾ, RẮN SINH HOẠT KHÁC” khi thu gom, vận chuyển nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế và nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác. Đồng thời, khuyến khích có dòng chữ tuyên truyền “HÃY PHÂN LOẠI CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TẠI NGUỒN” trên các phương tiện thu gom, vận chuyển. Trường hợp phương tiện thu gom cùng lúc 02 nhóm chất thải (chất thải thực phẩm và chất thải rắn tái chế, chất thải rắn sinh hoạt khác) phải bố trí 02 ngăn hoặc 02 khu vực chứa riêng đối với 02 nhóm chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại và có dòng chữ theo từng nhóm chất thải. Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được sơn màu xanh lá cây.

d) Dòng chữ được thiết kế với kích thước mỗi chiều ít nhất 20cm, có thể tháo, lắp linh hoạt tùy theo loại chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và dán (gắn) ít nhất ở 02 bên của phương tiện; có màu vàng, không bị mờ và phai màu.

đ) Khuyến khích chọn phương án thu gom riêng chất thải rắn có khả năng tái chế, chất thải rắn sinh hoạt khác theo định kỳ 01 lần/tuần hoặc trong khoảng thời gian cụ thể theo Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Ủy ban nhân dân cấp xã.

e) Việc vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện trên tuyến đường, thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và phương án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Việc vận chuyển chất thải công kênh trên các phương tiện thu gom, vận chuyển phải đáp ứng quy định về kích thước hàng hóa trên xe theo quy định về giao thông vận tải.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đồng bộ các phương tiện, trang thiết bị phù hợp với việc thu gom,

vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại từ các hộ dân đến địa điểm xử lý theo quy định; người lao động trực tiếp tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải được ký hợp đồng lao động, trang bị bảo hộ lao động, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

3. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư trong việc xác định thời gian, địa điểm, tần suất, tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt và công bố, hướng dẫn cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện.

4. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có quyền từ chối thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không phân loại, không sử dụng bao bì đúng quy định và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển do Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; thanh toán chi phí vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương, trừ chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế được phân loại theo đúng quy định.

Điều 9. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phải được xử lý tại các cơ sở được cơ quan có thẩm quyền cấp phép bằng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn cơ sở xử lý thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

3. Khuyến khích, ưu tiên các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải theo hướng xử lý chất thải có kết hợp với thu hồi năng lượng, giảm tối đa việc xử lý chất thải bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp. Ngoài ra, bổ sung công nghệ xử lý phụ trợ để tiếp tục xử lý rác tro, tro xỉ và tro bay thành sản phẩm gạch không nung, vật liệu san lấp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Quy định này; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

b) Chủ trì phối hợp với các tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan thẩm định phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại, kể cả chi phí bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

c) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng các điểm thu hồi chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; cập nhật và tích hợp cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải rắn sinh hoạt vào hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường của tỉnh.

đ) Giám sát việc đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn việc phục hồi, tái sử dụng diện tích, chuyển đổi mục đích sử dụng và quan trắc môi trường của các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động.

e) Tổ chức các hoạt động truyền thông về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; triển khai hoặc lồng ghép hoạt động kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn sinh hoạt; các cơ sở sản xuất sản phẩm nhựa sử dụng một lần và bao bì nhựa khó phân hủy theo thẩm quyền.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, định hướng điều chỉnh, cập nhật các cơ sở xử lý, khu xử lý chất thải tập trung đáp ứng được khối lượng chất thải phát sinh trên địa bàn tỉnh vào Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2020-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Hướng dẫn việc lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch xây dựng các khu xử lý; công tác thẩm định

thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra việc đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các địa bàn theo quy định.

c) Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc bố trí hệ thống các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương, hướng dẫn việc đầu tư xây dựng các trạm trung chuyển đảm bảo đúng quy định, quy chuẩn; thực hiện thỏa thuận việc bố trí hệ thống các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trước khi Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tuyến đường chính, thời gian di chuyển của các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm tập kết, trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

đ) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt lắp đặt các thiết bị giám sát hành trình, cấp giấy phép kinh doanh vận tải và phù hiệu chạy xe; tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát trong quá trình hoạt động của phương tiện.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, phân bổ kinh phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hoạt động giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng và quản lý chất thải nhựa và các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan về cơ chế tài chính đối với các dự án đầu tư khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt có sử dụng nguồn vốn ngân sách.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước về lĩnh vực đầu tư đối với các dự án đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài nằm ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Trên cơ sở danh mục đầu tư công do các sở, ngành và địa phương, đơn vị đề xuất; Sở Tài chính chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư, khả năng cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công theo quy định để hỗ trợ đầu tư cho các chương trình, dự án đầu tư hạ tầng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

đ) Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung danh mục các dự án đầu

tư thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh cần kêu gọi đầu tư theo quy định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đưa nội dung giáo dục về bảo vệ môi trường; giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; thực hiện phân loại tại nguồn, tái sử dụng, tái chế, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phòng chống rác thải nhựa vào tài liệu giáo dục ngoại khóa để tổ chức tuyên truyền, giáo dục trong các cấp học thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh.

b) Lồng ghép việc giảng dạy các kiến thức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn vào các chương trình ngoại khóa, nhằm tạo điều kiện cho học sinh hiểu được ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường, việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, phòng chống rác thải nhựa và tích cực tham gia phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại gia đình và nhà trường.

5. Sở Công Thương

a) Xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung tuyên truyền, vận động các cửa hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, chợ dân sinh sử dụng sản phẩm bao bì thân thiện môi trường thay thế dần cho sản phẩm bao bì nhựa dùng một lần, khó phân hủy theo Kế hoạch của ngành Công thương.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch, lộ trình hạn chế và tiến tới cấm sử dụng túi nilông khó phân hủy tại các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ dân sinh; yêu cầu các siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích niêm yết công khai giá bán túi nilon cho khách hàng; có biện pháp giám sát và xử lý các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích cung cấp miễn phí túi nilông cho khách hàng.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Nghiên cứu các mô hình, công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường để tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai ứng dụng trong hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các chương trình, dự án nghiên cứu khoa học về tái chế, xử lý rác thải nhựa thành nguyên liệu, nhiên liệu; sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế cho sản phẩm nhựa dùng một lần và túi nilông khó phân hủy.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan yêu cầu các Khu du lịch, các cơ sở lưu trú không sử dụng túi nilông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần, trường hợp vượt quá thẩm quyền tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo – Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tác hại của túi nilông khó phân hủy, sản phẩm nhựa dùng một lần đối với môi trường, khuyến khích sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường.

8. Thuế tỉnh

Kiểm tra, giám sát hoạt động thu thuế bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất sản phẩm nhựa dùng một lần và túi nilông khó phân hủy trên địa bàn tỉnh.

9. Ban quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế

a) Hướng dẫn chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt trong việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao theo quy định.

b) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của các cơ sở kinh doanh hạ tầng, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các khu công nghiệp, khu kinh tế nhằm phát hiện kịp thời vi phạm và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

10. Các sở, ban, ngành khác

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định này và các Quy định của pháp luật khác có liên quan.

b) Thực hiện nghiêm các Quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt, phòng chống rác thải nhựa theo quy định này trong phạm vi của đơn vị.

11. Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai

Xây dựng phóng sự tuyên truyền, ghi hình, đưa tin phản ánh kịp thời tình hình triển khai thực hiện quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Trung tâm dịch vụ tổng hợp tuyên truyền về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải rắn sinh hoạt nói riêng tại địa phương; kịp

thời phát hiện các tổ chức, cá nhân, mô hình hay, điển hình và thiết thực để phổ biến, tuyên truyền nhân rộng.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm về công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý và quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn. Tổ chức triển khai hoạt động về công tác phân loại, thu gom, tập kết, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; định kỳ tổ chức các hoạt động ra quân làm vệ sinh môi trường; tổ chức cho các hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa và giữ gìn vệ sinh môi trường.

2. Xây dựng, ban hành kế hoạch hoặc phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với tình hình phát sinh và thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt của địa phương.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cộng đồng tích cực đảm bảo vệ sinh môi trường và nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt và giảm thiểu rác thải nhựa trên địa bàn; chỉ đạo các đơn vị liên quan tham mưu xây dựng và triển khai các mô hình có hiệu quả trong phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt; giảm thiểu, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi nilông khó phân hủy.

4. Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật trong thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; khuyến khích xã hội hóa về phân loại, thu gom, vận chuyển và đầu tư xây dựng công trình, dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công tác phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt như: Sử dụng camera an ninh hiện có hoặc lắp đặt camera để theo dõi, kiểm tra xử lý các trường hợp phân loại, thu gom, tập kết, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không đúng quy định.

6. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nhựa của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo phân cấp và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; xử phạt vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền.

7. Công bố rộng rãi số điện thoại “đường dây nóng” lĩnh vực môi trường của địa phương để người dân được biết và phản ánh các vấn đề về môi trường; tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị về chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi quyền hạn của mình hoặc chuyển đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

8. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện thỏa thuận việc bố trí hệ thống các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trước khi phê duyệt; bố trí kinh phí đầu tư trang thiết bị công cộng phục vụ quản lý bảo vệ môi trường và chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng công trình, vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

9. Ủy ban nhân dân cấp xã phải bố trí các điểm thu hồi chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn và chịu trách nhiệm quản lý, chuyển giao cho cơ sở xử lý chất thải nguy hại để xử lý theo quy định.

10. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm trong việc quản lý khoảng cách an toàn về môi trường tại các Khu xử lý và các trạm trung chuyển trên địa bàn. Chủ động lập kế hoạch di dời các hộ dân đang sinh sống trong khu vực chưa đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường của khu xử lý chất thải rắn; rà soát quy hoạch xây dựng để khoanh vùng khoảng cách an toàn về môi trường, trong vùng an toàn về môi trường chỉ được phép quy hoạch các chức năng phù hợp theo quy chuẩn, không được bố trí các công trình dân dụng khác.

11. Giám sát và tổng hợp các chỉ tiêu về tỷ lệ phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn trong năm; định kỳ báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 10 tháng 12 hằng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

12. Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xác định cụ thể vị trí, thời gian tập kết, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết phù hợp với đặc điểm của từng khu vực, từng địa bàn; bảo đảm an toàn giao thông; hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm, phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình, cá nhân và tại các điểm tập kết phù hợp.

13. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giảm thiểu rác thải nhựa. Rà soát, tổ chức cho các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng, chợ dân sinh, cơ sở lưu trú, nhà hàng, quán nước, quán cà phê, quán ăn vỉa hè, cơ sở kinh doanh du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ khác trên địa bàn quản lý thực hiện nội dung ký cam kết về giảm thiểu rác thải nhựa, hạn chế việc sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học.

14. Lập danh sách các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trên địa bàn có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt để theo dõi, giám sát việc chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

15. Thông báo số điện thoại, thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết, chủ động liên hệ, chuyển giao khi phát sinh chất thải rắn công kênh trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân không tìm được đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý.

16. Tổ chức quét dọn, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn bao gồm: Quét, thu gom chất thải đường phố; thu gom, vệ sinh thùng rác công cộng; thu gom từ hộ gia đình đến trạm trung chuyển; từ trạm trung chuyển vận chuyển về tổ chức, cá nhân xử lý và vận hành các trạm trung chuyển trên địa bàn.

17. Tổ chức lựa chọn cơ sở cung ứng dịch vụ công tại khoản 16 Điều này theo quy định thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

18. Xác định vị trí, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

19. Dự toán, bố trí kinh phí cho hoạt động phân loại thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt hằng năm trên địa bàn.

20. Kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, nghiệm thu và thanh toán khối lượng công việc theo đúng quy định hiện hành.

Điều 12. Trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

1. Phân loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế thành nhiều loại tùy theo nhu cầu và mục đích tái sử dụng, tái chế; khuyến khích vệ sinh làm sạch bao bì, hộp, chai lọ thải trước khi phân loại; thu gọn, giảm kích thước, thể tích chất thải; thu, xếp gọn các vật sắc nhọn để tránh gây thương tích trước khi chuyển giao tái chế hoặc xử lý.

2. Đối với những loại chất thải có điểm thu hồi theo quy định của nhà sản xuất cần được thu gom, lưu giữ riêng và vận chuyển đến điểm thu hồi của nhà sản xuất.

3. Phân loại riêng chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân; lưu chứa chất thải nguy hại trong bao bì an toàn và chuyển giao đến điểm thu hồi chất thải nguy hại chung của xã, phường hoặc chuyển giao theo quy định của địa phương.

4. Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm thức ăn chăn nuôi hoặc ủ làm mùn, phân hữu cơ hoặc làm chất cải tạo đất.

5. Đăng ký hoặc ký hợp đồng và thực hiện chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho tổ chức, cá nhân thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương. Chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định pháp luật.

6. Hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy, sản phẩm nhựa sử dụng một lần; tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải thành các vật dụng hữu ích trong gia đình.

7. Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến việc cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, các trường hợp vi phạm Quy định này với Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 13. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp

1. Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; tái chế, tái sử dụng, thu gom, lưu giữ, chuyển giao, xử lý chất thải rắn theo đúng quy định.

2. Giám sát việc triển khai thực hiện quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Trách nhiệm chung

a) Kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đến Ủy ban nhân dân cấp xã để được hướng dẫn, giải quyết.

b) Tăng cường ứng dụng thiết bị (camera, GPS), phần mềm chuyên dụng trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

c) Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải được ký hợp đồng lao động, trang bị bảo hộ lao động, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định và phải được gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã để giám sát kiểm tra.

d) Phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động, thực hiện chương trình giám sát môi trường (nếu có), phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

2. Đối với tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện khu dân cư trong việc xác định và đảm bảo thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt; công bố rộng rãi cho các hộ dân trên địa bàn biết và thực hiện.

b) Phải sử dụng thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển được thiết kế phù hợp đối với từng loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, đáp ứng các quy định và yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường; thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, sửa chữa.

c) Các tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển có quyền từ chối thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phân loại, không sử dụng bao bì đúng quy định và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng bao bì của chất thải rắn sinh hoạt khác theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phân phối bao bì chứa đựng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại phát sinh từ các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

đ) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập danh sách các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trên địa bàn có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt để theo dõi, giám sát việc chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

3. Đối với tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a) Kinh phí đầu tư, vận hành công trình bảo vệ môi trường, quan trắc, giám sát môi trường (nếu có), ứng phó sự cố môi trường phải được hạch toán và công khai trên hệ thống kế toán của cơ sở và báo cáo theo quy định của pháp luật.

b) Tăng cường đầu tư công nghệ phân loại, tái chế, xử lý chất thải nhựa kết hợp thu hồi năng lượng để giảm khối lượng chôn lấp chất thải nhựa.

c) Các cơ sở xử lý chất thải phải đảm bảo có các hạng mục tái chế chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại hoặc tiêu hủy chất thải sau khi phân loại, các loại chất thải không còn giá trị. Khuyến khích đầu tư các lò đốt có công nghệ

hiện đại có tận thu nhiệt, phát điện tại các cơ sở xử lý chất thải đang hoạt động hiện hữu theo quy hoạch đã được duyệt.

d) Báo cáo kế hoạch, lộ trình đầu tư, chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đưa vào vận hành các hạng mục xử lý để đảm bảo điều kiện tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt và đảm bảo các nội dung đã cam kết của Chủ đầu tư các khu xử lý chất thải.

đ) Thực hiện đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động, thông báo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường về thời gian đóng bãi chôn để giám sát; bàn giao mặt bằng cho Sở Nông nghiệp và Môi trường sau khi hoàn thành đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt; đồng thời thực hiện đầu tư tái sử dụng bãi chôn lấp theo đúng quy định.

e) Có trách nhiệm lập, trình thẩm định, phê duyệt phương án giá dịch vụ theo quy định.

Điều 15. Việc sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các tổ chức, cá nhân gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.